

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**TÊN MÔN: ANH NGỮ 1
MÃ MÔN: ENG2101**

Ngày thi: 01/03/2014

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: N19DLK

Tín chỉ: 2

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
				10%				30%	60%	100%		
1	1912711402	Nguyễn Thị Hoài An	N19DLK1	7	7	8		7.5	6.5	6.9	Sầu pháy Chên	
2	1913711405	Lê Đức Anh	N19DLK1	9	7	7		7.0	8.0	7.8	Báy pháy Tầm	
3	1913711412	Nguyễn Trần Hoài Bảo	N19DLK1	7	7	6		6.5	6.0	6.3	Sầu pháy Ba	
4	1913711411	Thái Nguyên Bảo	N19DLK1	7	6	6		6.0	5.0	5.5	Nằm pháy Nằm	
5	1913711418	Hoàng Thành Đạt	N19DLK1	6	6	7		6.5	0.0	0.0	Khăng	V
6	1912711424	Lê Thùy Dung	N19DLK1	9	8	7		7.5	7.0	7.4	Báy pháy Bấy	
7	1913711430	Lại Trần Bảo Gia	N19DLK1	5	5	6		5.5	0.0	0.0	Khăng	V
8	1912711433	Lê Thị Khánh Hà	N19DLK1	10	9	10		9.5	9.0	9.3	Chên pháy Ba	
9	1913711439	Bùi Đức Hiền	N19DLK1	8	6	7		6.5	6.0	6.4	Sầu pháy Bấy	
10	1913711441	Nguyễn Thanh Hòa	N19DLK1	8	8	8		8.0	6.5	7.1	Báy pháy Mấy	
11	1912711447	Hà Thị Thanh Huyền	N19DLK1	8	6	5		5.5	5.0	5.5	Nằm pháy Nằm	
12	1912711448	Trần Lưu Kim Huyền	N19DLK1	10	7	7		7.0	6.5	7.0	Báy	
13	1913711449	Nguyễn Đức Mạnh Kha	N19DLK1	7	7	7		7.0	0.0	0.0	Khăng	V
14	1913711450	Trương Nguyễn Đăng Khoa	N19DLK1	7	6	6		6.0	6.5	6.4	Sầu pháy Bấy	
15	1913711455	Đỗ Hồ Nhật Lam	N19DLK1	7	7	6		6.5	6.0	6.3	Sầu pháy Ba	
16	1912711460	Trần Ngọc Mai	N19DLK1	9	7	6		6.5	6.0	6.5	Sầu pháy Nằm	
17	1913711463	Võ Đức Hoài Nam	N19DLK1	7	6	6		6.0	7.0	6.7	Sầu pháy Báy	
18	1912711465	Trần Thị Nga	N19DLK1	10	6	7		6.5	6.0	6.6	Sầu pháy Sầu	
19	1912711467	Lâm Khả Ngân	N19DLK1	9	5	6		5.5	7.0	6.8	Sầu pháy Tầm	
20	1913711476	Nguyễn Thành Nhân	N19DLK1	8	7	8		7.5	7.0	7.3	Báy pháy Ba	
21	1913711489	Hoàng Ngọc Minh Quang	N19DLK1	9	9	10		9.5	9.0	9.2	Chên pháy Hai	
22	1913711490	Nguyễn Văn Quý	N19DLK1	8	6	6		6.0	7.0	6.8	Sầu pháy Tầm	
23	1912711493	Lê Thị Hạ Uyên	N19DLK1	7	7	7.5		7.3	8.0	7.7	Báy pháy Báy	
24	1912711497	Phạm Ngọc Bảo Quỳnh	N19DLK1	7	5	6		5.5	5.5	5.7	Nằm pháy Báy	
25	1913711498	Nguyễn Nhật Tân	N19DLK1	7	8	8		8.0	8.5	8.2	Tầm pháy Hai	
26	1913711501	Hoàng Thành	N19DLK1	8	7	8		7.5	8.0	7.9	Báy pháy Chên	
27	1912711503	Trần Thị Thu Thảo	N19DLK1	9	7	7		7.0	7.5	7.5	Báy pháy Nằm	
28	1912711504	Nguyễn Thị Minh Thảo	N19DLK1	10	8	9		8.5	7.5	8.1	Tầm pháy Mấy	
29	1912711520	Cần Thị Thủy Tiên	N19DLK1	8.5	6	5		5.5	0.0	0.0	Khăng	V
30	1913711530	Lưu Văn Minh Trung	N19DLK1	7	6	8		7.0	0.0	0.0	Khăng	V
31	1913711529	Ngô Quốc Trung	N19DLK1	5	6	5		5.5	6.0	5.8	Nằm pháy Tầm	
32	1912711533	Nguyễn Thị Minh Tuyền	N19DLK1	9	6	8		7.0	7.0	7.2	Báy pháy Hai	
33	1912711535	Ngô Thị Thanh Vân	N19DLK1	8	5	5		5.0	5.0	5.3	Nằm pháy Ba	
34	1913711536	Nguyễn Lê Duy Ván	N19DLK1	6	5	6		5.5	6.0	5.9	Nằm pháy Chên	
35	1913711537	Nguyễn Hữu Việt	N19DLK1	9	7	6		6.5	0.0	0.0	Khăng	V
36	1912711541	Đặng Thị Thúy Vy	N19DLK1	9	6	5		5.5	4.0	0.0	Khăng	
37	1913711403	Nguyễn Đình An	N19DLK2	6	7	5		6.0	5.5	5.7	Nằm pháy Báy	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
38	1912711404	Nguyễn Thị Vân	Anh	N19DLK2	6	5	6		5.5	6.5	6.2	Sầu pháy Hai	
39	1912711407	Mai Thị Phương	Anh	N19DLK2	6	5	5		5.0	5.5	5.4	Nằm pháy Bấu	
40	1913711420	Nguyễn Tấn	Định	N19DLK2	10	7	5		6.0	4.0	0.0	Khăng	
41	1913711426	Nguyễn Đăng	Dương	N19DLK2	8	8	5		6.5	0.0	0.0	Khăng	V
42	1913711427	Lê Phạm Quang	Duy	N19DLK2	8	5	5		5.0	6.0	5.9	Nằm pháy Chên	
43	1912711434	Nguyễn Thị Duy	Hà	N19DLK2	8	7	6		6.5	6.0	6.4	Sầu pháy Bấu	
44	1912711438	Trần Thị Thu	Hiền	N19DLK2	10	7	8		7.5	5.0	6.3	Sầu pháy Ba	
45	1913711442	Hồ Ngọc	Hoàng	N19DLK2	9	7	6		6.5	5.0	5.9	Nằm pháy Chên	
46	1913711443	Trần Đức	Hưng	N19DLK2	5	5	5		5.0	6.0	5.6	Nằm pháy Sầu	
47	1913711451	Phan Anh	Khoa	N19DLK2	7	6	7		6.5	0.0	0.0	Khăng	V
48	1913711454	Nguyễn Toàn	Khôi	N19DLK2	6	6	7		6.5	7.0	6.8	Sầu pháy Tầm	
49	1913711461	Thái Bình	Minh	N19DLK2	9	9	9		9.0	9.0	9.0	Chên	
50	1912711468	Lê Thị Kiều	Ngân	N19DLK2	10	9	7		8.0	7.5	7.9	Bảy pháy Chên	
51	1913711477	Phạm Văn	Nhân	N19DLK2	7	5	5		5.0	5.0	5.2	Nằm pháy Hai	
52	1913711479	Nguyễn Quang	Nhật	N19DLK2	5	6	5		5.5	6.5	6.1	Sầu pháy Mất	
53	1912711480	Huỳnh Nữ Hoàng	Nhi	N19DLK2	6	6	5		5.5	0.0	0.0	Khăng	V
54	1913711483	Lê Văn	Nhựt	N19DLK2	8	6	6		6.0	6.5	6.5	Sầu pháy Nằm	
55	1913711484	Thân Đăng Hồng	Phú	N19DLK2	7	5	6		5.5	5.0	5.4	Nằm pháy Bấu	
56	1913711491	Phạm Bảo	Quý	N19DLK2	7	6	5		5.5	5.0	5.4	Nằm pháy Bấu	
57	1913711502	Dương Minh	Thành	N19DLK2	5	5	6		5.5	0.0	0.0	Khăng	V
58	1912711510	Dương Thị Ngọc	Thu	N19DLK2	6	5	6		5.5	3.0	0.0	Khăng	
59	1912711512	Nguyễn Nguyễn Hoài	Thương	N19DLK2	10	9	9		9.0	8.5	8.8	Tầm pháy Tầm	
60	1913711513	Võ Văn	Thương	N19DLK2	8	5	5		5.0	6.0	5.9	Nằm pháy Chên	
61	1913711526	Nguyễn Kim	Trí	N19DLK2	5	5	5		5.0	5.0	5.0	Nằm	
62	1912711528	Hồ Thị Tú	Trình	N19DLK2	7	5	5		5.0	5.5	5.5	Nằm pháy Nằm	
63	1913711532	Hà Xuân	Trường	N19DLK2	9	8	6		7.0	6.0	6.6	Sầu pháy Sầu	
64	1913711538	Hồ Nguyên	Vũ	N19DLK2	5	5	5		5.0	7.5	6.5	Sầu pháy Nằm	
65	1912711544	Võ Thị Ngọc	Yến	N19DLK2	7	5	6		5.5	6.5	6.3	Sầu pháy Ba	
66	1912711482	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	N19DLK1	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
67	1912711496	Trần Nguyễn Trúc	Quỳnh	N19DLK1	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
68	1913711410	Nguyễn Đình	Bá	N19DLK2	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
69	1913711417	Bảo Hoàng	Chương	N19DLK2	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
70	1913711452	Trần Duy	Khoa	N19DLK2	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
71	1912711456	Nguyễn Thị Bích	Loan	N19DLK2	8	7	0		3.5	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
72	1913711469	Hồ Trọng	Nghĩa	N19DLK2	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
73	1913711486	Phan Hồng	Phước	N19DLK2	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
74	1912711517	Nguyễn Thị Như	Thủy	N19DLK2	2	3	0		1.5	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
75	1912711516	Bùi Thị Thanh	Thủy	N19DLK2	1	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
76	1912711518	Nguyễn Lê Anh	Thy	N19DLK2	1	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
77	1912711525	Phạm Thị Như	Trâm	N19DLK2	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
78	1913711527	Phạm Nguyễn Minh	Trí	N19DLK2	4	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
79	1913711539	Huỳnh Ngọc	Vũ	N19DLK2	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
80	1913711408	Hồ Văn	Anh	N19DLK3	8	10	8		9.0	7.5	8.0	Tam	
81	1913711413	Võ Đức Hoài	Bảo	N19DLK3	8	9	6		7.5	5.0	6.1	Sâu pháp	Mất
82	1912711416	Thân Thị Thảo	Chi	N19DLK3	10	9	6		7.5	3.0	0.0	Khăng	
83	1912711432	Nguyễn Thị Trường	Giang	N19DLK3	10	9	7		8.0	6.5	7.3	Bảy pháp	Ba
84	1912711435	Trần Thu	Hà	N19DLK3	9	10	8		9.0	6.0	7.2	Bảy pháp	Hai
85	1912711446	Trần Nữ Hoàng	Hường	N19DLK3	7	9	7		8.0	5.0	6.1	Sâu pháp	Mất
86	1912711466	Hồ Thị	Nga	N19DLK3	9	9	8		8.5	7.0	7.7	Bảy pháp	Bảy
87	1913711475	Hoa Trung	Nguyên	N19DLK3	9	10	10		10.0	7.0	8.1	Tam pháp	Mất
88	1912711495	Hồ Lê Thục	Quyên	N19DLK3	9	10	8		9.0	6.0	7.2	Bảy pháp	Hai
89	1913711509	Nguyễn Tiến	Thôi	N19DLK3	8	7	6		6.5	5.0	5.8	Năm pháp	Tam
90	1912711514	Đỗ Thị Xuân	Thương	N19DLK3	9	10	9		9.5	6.5	7.7	Bảy pháp	Bảy
91	1913711523	Đinh Văn	Toàn	N19DLK3	7	8	8		8.0	6.0	6.7	Sâu pháp	Bảy
92	1912711543	Đoàn Trần Như	Ý	N19DLK3	9	10	10		10.0	8.5	9.0	Chèn	
93	1913711406	Phan Lê Việt	Anh	N19DLK3	10	7	7		7.0	7.0	7.3	Bảy pháp	Ba
94	1913711414	Phạm Thanh	Chi	N19DLK3	7	5	5		5.0	5.0	5.2	Năm pháp	Hai
95	1912711415	Trần Thị Quỳnh	Chi	N19DLK3	6	6	5		5.5	6.0	5.9	Năm pháp	Chèn
96	1912711419	Đỗ Thị Kiều	Diễm	N19DLK3	6	5	5		5.0	0.0	0.0	Khăng	V
97	1913711421	Trương Đình	Đông	N19DLK3	5	5	7		6.0	0.0	0.0	Khăng	V
98	1913711423	Phạm Minh	Đức	N19DLK3	6	6	7		6.5	7.5	7.1	Bảy pháp	Mất
99	1913711422	Nguyễn Lương	Đức	N19DLK3	5	5	6		5.5	0.0	0.0	Khăng	V
100	1913711425	Mai Ngọc	Dũng	N19DLK3	8	7	8		7.5	0.0	0.0	Khăng	V
101	1912711431	Trần Thị Hà	Giang	N19DLK3	8	6	6		6.0	5.0	5.6	Năm pháp	Sâu
102	1913711436	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	N19DLK3	5	5	6		5.5	0.0	0.0	Khăng	V
103	1913711440	Trương Diên Bảo	Hiếu	N19DLK3	7	7	7		7.0	6.0	6.4	Sâu pháp	Bất
104	1913711453	Võ Hưng Toàn	Khoa	N19DLK3	7	6	7		6.5	4.5	0.0	Khăng	
105	1913711457	Trịnh Xuân	Long	N19DLK3	10	8	8		8.0	6.0	7.0	Bảy	
106	1913711458	Nguyễn Nho	Luân	N19DLK3	6	6	8		7.0	7.0	6.9	Sâu pháp	Chèn
107	1913711459	Đỗ Phú	Lượng	N19DLK3	6	5	6		5.5	4.5	0.0	Khăng	
108	1913711464	Lữ Ngọc	Nam	N19DLK3	10	9	9		9.0	6.5	7.6	Bảy pháp	Sâu
109	1912711470	Nguyễn Thị	Ngọc	N19DLK3	9	6	6		6.0	5.0	5.7	Năm pháp	Bảy
110	1912711474	Phạm Thị Thúy	Nguyên	N19DLK3	6	7	5		6.0	5.0	5.4	Năm pháp	Bất
111	1912711473	Trần Thảo	Nguyên	N19DLK3	6	6	6		6.0	6.5	6.3	Sâu pháp	Ba
112	1913711492	Phan Ngọc	Quý	N19DLK3	10	6	8		7.0	5.0	6.1	Sâu pháp	Mất
113	1912711494	Nguyễn Hữu Anh	Quyên	N19DLK3	7	5	6		5.5	5.5	5.7	Năm pháp	Bảy
114	1912711508	Hà Thị Thanh	Thoa	N19DLK3	10	6	7		6.5	6.0	6.6	Sâu pháp	Sâu
115	1912711515	Đào Trần Phương	Thùy	N19DLK3	6	5	5		5.0	0.0	0.0	Khăng	V
116	1912711519	Quách Huỳnh Thy	Thy	N19DLK3	7	5	6		5.5	6.0	6.0	Sâu	
117	1912711521	Nguyễn Hoàng Thùy	Tiên	N19DLK3	7	6	7		6.5	7.0	6.9	Sâu pháp	Chèn
118	1913711522	Đặng Văn	Tiến	N19DLK3	10	9	9		9.0	6.5	7.6	Bảy pháp	Sâu
119	1913711524	Nguyễn Quang	Toàn	N19DLK3	6	7	7		7.0	0.0	0.0	Khăng	V

Ngày thi: 01/03/2014

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
120	1913711531	Lê Công	Trung	N19DLK3	10	8	8		8.0	5.0	6.4	Sau pháp Bấu	
121	1913711534	Phạm Bá	Uy	N19DLK3	10	6	7		6.5	7.0	7.2	Bá pháp Hai	
122	1912711542	Nguyễn Thị Thảo	Vy	N19DLK3	9	5	5		5.0	0.0	0.0	Khăng	V
123	1912711445	Nguyễn Thị Diệu	Hương	N19DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
124	1912711401	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	N19DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
125	1912711472	Mai Như	Ngọc	N19DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
126	1913711499	Võ Quang	Thái	N19DLK3	3	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
127	1913711506	Trần Nguyên	Thịnh	N19DLK3	3	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
128	1913711507	Trương Phú	Thọ	N19DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
129	1912711646	Đỗ Thị Hồng	Phúc	N19DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
130	1913711487	Phạm Đức	Phước	N19DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
131	1912711409	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	N19DLK3	5	5	0		2.5	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
132	1913711428	Trần Hữu	Duy	N19DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
133	1912711429	Võ Hạ	Duyên	N19DLK3	3	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
134	1913711444	Nguyễn Lê	Hưng	N19DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
135	1912711462	Nguyễn Lê Thị Như	Minh	N19DLK3	4	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
136	1913711478	Bùi Anh	Nhân	N19DLK3	7	7	0		3.5	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
137	1912711485	Đỗ Thị Hồng	Phúc	N19DLK3	5	3	0		1.5	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
138	1912711488	Phạm Lê Nguyên	Phương	N19DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
139	1913711500	Nguyễn Văn Hoàng	Thắng	N19DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
140	1912711511	Lê Thị Hoài	Thu	N19DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
141	1913711540	Phạm Minh	Vương	N19DLK3	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi,
142	1913711437	Phùng Ngọc	Hậu	N19DLK3	6	7	6		6.5	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, V
143	1912711481	Huỳnh Thị Yến	Nhi	N19DLK3	5	8	8		8.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, V
144	1913711505	Vũ Ngọc	Thiện	N19DLK3	6	9	9		9.0	0.0	0.0	Khăng	Cấm thi, V
1	1712719939	Lê Thị	Hoa	N17DLK1	9	6	5		5.5	5.0	5.6	Nằm pháp Sau	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	85	59%	
2	Số sinh viên nợ	60	41%	
TỔNG CỘNG :		145	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

ThS. Nguyễn Ân